TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-5-2019
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm và bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ka T, sinh năm 1986. Địa chỉ: xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị đơn: Ông K N (tên khác: K'N1), sinh năm 1982. Địa chỉ: xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2018 và các tài liệu chứng cứ, nguyên đơn của bà Ka T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K'N kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông K'N không lo làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn ông K'N, việc ly hôn bà đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Yang Ka L, sinh ngày 09-8-2003; Ka Sô H, sinh ngày 08-4-2012 và Ka X, sinh ngày 13-02-2014, hiện nay bà không mang thai. Khi ly hôn bà Ka T yêu cầu giao cả ba con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông K'N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản:

Tài sản chung không có;

Tài sản nợ chung: Nợ bà Hoàng Thị H số tiền 12.000.000 đồng và tiền lãi, nợ ông Đa Krong M số tiền 15.000.000 đồng, bà T khai đã trả xong cho bà H và ông M.

Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi lời khai của ông K'N, bà Hoàng Thị H và ông Đa Krong M được, do ông K'N, bà H và ông M đều vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà Ka T và ông K'N ly hôn , chấp nhận yêu cầu của bà Ka T về giao con chung. Giao cả ba con chung cho bà Ka T trực tiếp nuôi dưỡng, ông K'N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không xem xét giải quyết. Buộc bà Ka T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ka T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông K'N. Ông K'N hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Ông K'N là bị đơn đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên, ông K'N đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh và Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Ka T và ông K'N tự nguyện kết hôn ngày 06 tháng 9 năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ka T và ông K'N là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà Ka T yêu cầu được ly hôn với ông K'N là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà Ka T và ông K'N có ba con chung tên là Yang Ka L, sinh ngày 09-8-2003; Ka Sô H, sinh ngày 08-4-2012 và Ka X, sinh ngày 13-02-2014. Khi ly hôn bà Ka T yêu cầu giao cả ba con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông K'N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay bà T đã trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung; nguyện vọng của cháu Yang Ka L và Ka Sô H đều mong muốn được ở với bà Ka T, cần ổn định cuộc sống của các con chung, bà Ka T làm công nhân có thu nhập, việc làm ổn định, ông K'N không có thu nhập ổn định, qua xác minh tại địa phương bà Ka T có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn nên cần giao cả ba con chung cho bà Ka T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung không có;

Tài sản nợ chung: Nợ bà Hoàng Thị H số tiền 12.000.000 đồng, nợ ông Đa Krong M số tiền 15.000.000 đồng, bà T khai đã trả xong cho bà H và ông M.

Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập nhiều lần nhưng bà Hoàng Thị H và ông Đa Krong M đều vắng mặt và không có ý kiến gì nên Tòa án không giải quyết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà H và ông M trong vụ án này, trường hợp xảy ra tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Ka T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ka T và ông K'N (tên gọi khác: K'N1) ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung Yang Ka L, sinh ngày 09-8-2003; Ka Sô H, sinh ngày 08-4-2012 và Ka X, sinh ngày 13-02-2014 cho bà Ka T trực tiếp nuôi dưỡng; ông K'N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Ka T phải chịu án phí dân sư sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0009275 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà Ka T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Tân Châu;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ